

Hà Nội, ngày 25 tháng 04 năm 2014

QUY CHẾ BỔ CƯ THAY TH
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2012-2017
VÀ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2012-2015
TỔNG HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN NĂM 2014
- CÔNG TY CỔ PHẦN PVI

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần PVI (PVI)

Chỉ định ông (H. C.) thành viên năm 2014 của Công ty cổ phần PVI tiến hành bổ sung thay thế thành viên Hội đồng quản trị (H. QT) nhiệm kỳ 2012-2017 và bổ sung thay thế thành viên Ban Kiểm soát (BKS) nhiệm kỳ 2012 – 2015 theo các nội dung sau đây:

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này bao gồm những quy định về bổ sung thay thế thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần PVI tại Hội đồng thành viên năm 2014.

Điều 2: Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát

- 2.1. Theo quy định tại Điều 24, Điều lệ Công ty cổ phần PVI, Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành, thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - Có năng lực hành vi dân sự, không thuộc diện bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Pháp luật;
 - Là công dân Việt Nam/ người di cư ít nhất 6% tổng số vốn đầu tư thông qua công ty khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh....
- 2.2. Theo quy định tại Điều 35, Điều lệ Công ty cổ phần PVI, Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành, thành viên Ban Kiểm soát phải có các tiêu chuẩn sau đây:
 - Trên 21 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự, không thuộc diện bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
 - Không phải là vợ, chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác.
 - Không có các chức vụ quản lý công ty. Thành viên Ban Kiểm soát không nhất thiết phải là công nhân viên lao động của PVI.

Điều 3: Điều chỉnh chi nhánh

Công dân Việt Nam và người cư trú (sau đây gọi tắt là công dân) có quyền biểu quyết theo danh sách công dân Công ty cổ phần PVI do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam chốt ngày 12/03/2014.

í u 4: c ng viên H i ng qu n tr , Ban Ki m soát

4.1 c ng viên H i ng qu n tr :

4.1.1 Nhi m k c a thành viên H QT c b u thay th là th i h n còn l i c a nhi m k 2012 – 2017 c a H QT.

4.1.2 c ng viên H i ng qu n tr :

Các c ông n m gi nh h n 6% s c ph n có quy n bi u quy t trong th i h n liên t c ít nh t 6 tháng có quy n g p s quy n bi u quy t c a t ng ng i l i v i nhau c các ng viên H i ng qu n tr . C ông ho c nhóm c ông n m gi n d i 10% s c ph n có quy n bi u quy t c c m t thành viên; t 10% n d i 30% c c hai thành viên; t 30% n d i 50% c c ba thành viên; t 50% n d i 65% c c b n thành viên và t 65% tr lên c c s ng viên.

4.2 c ng viên Ban Ki m soát:

4.2.1 Nhi m k c a thành viên BKS c b u thay th là th i h n còn l i c a nhi m k 2012 – 2015 c a BKS.

4.2.2 c ng viên Ban Ki m soát:

C ông n m gi ít h n 6% c ph n có quy n bi u quy t trong th i h n liên t c ít nh t 6 tháng có th t p h p phi u b u vào v i nhau c các ng viên vào Ban Ki m soát. C ông ho c nhóm c ông n m gi n d i 10% s c ph n có quy n bi u quy t trong th i h n liên t c ít nh t 6 tháng c c m t thành viên; t 10% n d i 30% c c hai thành viên; t 30% n d i 50% c c ba thành viên; t 50% n d i 65% c c b n thành viên và n u t 65% tr lên c c s ng viên.

í u 5: Phi u b u và ghi phi u b u

5.1. Danh sách ng c viên thay th vào H QT, BKS c s p x p theo th t ABC theo tên, ghi y h và tên trên phi u b u.

5.2. Phi u b u và ghi phi u b u:

- Phi u b u c in th ng nh t, có t ng s quy n bi u quy t theo Mã c ông;
- C ông c phát phi u b u thay th thành viên H QT, thành viên BKS theo Mã c ông (s h u và/ho c c y quy n);
- Tr ng h p ghi sai, c ông ngh Ban Ki m phi u i phi u b u khác;
- C ông ph i t mình ghi s quy n bi u quy t b u cho t ng ng c viên vào ô tr ng c a ng c viên ó trên phi u b u.

5.3. Các tr ng h p phi u b u không h p l :

- Phi u không theo M u quy nh c a PVI, không có d u c a PVI;
- Phi u g ch xóa, s a ch a, ghi thêm tên không thu c danh sách ng c viên ã c H C th ng nh t thông qua tr c khi ti n hành b phi u;
- Phi u có t ng s quy n ã bi u quy t cho nh ng ng c viên c a c ông v t quá t ng s quy n c bi u quy t c a c ông ó n m gi (bao g m quy n s h u và/ho c c y quy n).
- Phi u b u c không còn nguyên v n.

Điểm 6: Phương thức bầu và nguyên tắc bầu phi vụ

- 6.1. Việc bầu quy tắc bầu thay thế thành viên HĐQT, thành viên BKS thực hiện bởi phi vụ kín theo phương thức bầu phi vụ.
- 6.2. Quy định bầu quy tắc tính theo số phần trăm, hoặc quy định các công đồng. Kết quả bầu tính trên số phần trăm có quy định bầu quy tắc các công đồng tham dự.
- 6.3. Mọi công đồng tham dự hội đồng (01) Phi vụ bầu thay thế thành viên HĐQT và một (01) Phi vụ bầu thay thế thành viên BKS trong vụ số phần trăm, và/hoặc quy định.
- 6.4. Mọi công đồng có tổng quy định bầu quy tắc trong vụ số phần trăm có quy định bầu quy tắc (bao gồm số phần trăm, và/hoặc quy định) nhân với số lượng thành viên bầu thay thế HĐQT hoặc số thành viên bầu thay thế BKS. Công thức theo công thức sau:

(i) Bầu thay thế thành viên HĐQT

$$\boxed{\text{Tổng quy định bầu quy tắc}} = \boxed{\text{Tổng số phần trăm có quy định bầu quy tắc}} \times \boxed{\text{Số thành viên bầu thay thế HĐQT}}$$

(ii) Bầu thay thế thành viên BKS

$$\boxed{\text{Tổng quy định bầu quy tắc}} = \boxed{\text{Tổng số phần trăm có quy định bầu quy tắc}} \times \boxed{\text{Số thành viên bầu thay thế BKS}}$$

- 6.5. Công đồng có thể dồn toàn bộ tổng quy định bầu quy tắc cho một (01) người, hoặc chia tổng quy định bầu quy tắc cho tất cả các người, hoặc chỉ lựa chọn một phần trong tổng quy định bầu quy tắc bầu cho một số người theo mức tín nhiệm, hoặc không bầu (bầu phi vụ) vì lý do kiến nghị quy định bầu quy tắc không vượt quá tổng quy định bầu quy tắc công đồng số phần trăm và/hoặc quy định.

Điểm 7: Ban Kiểm phi vụ, nguyên tắc phi vụ và kiểm phi vụ

7.1. Ban Kiểm phi vụ:

- Ban Kiểm phi vụ do Chủ tịch và Hội đồng thông qua.
- Ban Kiểm phi vụ có nhiệm vụ:
 - + Giám sát việc bầu quy tắc, bầu các công đồng.
 - + Tổng hợp số phần trăm bầu quy tắc, bầu theo từng nội dung.
 - + Thông báo kết quả cho Chủ tịch, Ban Thư ký hội đồng và công bố kết quả bầu quy tắc, bầu trực tiếp.
- Thành viên Ban Kiểm phi vụ không có tên trong danh sách và ứng cử vào HĐQT, BKS.

7.2. Nguyên tắc phi vụ và kiểm phi vụ:

- Ban Kiểm phi vụ tiến hành kiểm tra từng phi vụ trước khi ký các công đồng.

- Việc bỏ phiếu bầu cử khi việc phát phiếu bầu cử hoàn tất và kết thúc khi công cụ cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu.
- Việc kiểm phiếu phải tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc.
- Kết quả kiểm phiếu công bố thành văn bản và Công Trừng Ban Kiểm phiếu công bố trực tiếp.

Điều 8: Nguyên tắc trúng cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát

- 8.1. Nguyên tắc trúng cử thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2012 – 2017, BKS nhiệm kỳ 2012 - 2015 được xác định theo tỷ lệ phần trăm phiếu bầu trên tổng số phần có quyền biểu quyết (bao gồm các phần sở hữu và/hoặc ủy quyền) tính toán chung theo, được bỏ trên 65% tổng số phần có quyền biểu quyết có mặt tại hội.
- 8.2. Trường hợp có hai ứng cử viên tranh cử cùng số phiếu bầu nhau cho thành viên của HĐQT, BKS thì số lần ứng cử nào sở hữu/ ủy quyền số phiếu của phần PVI hạn tính đến thời điểm chốt danh sách công ngày 12/03/2014.
- 8.3. Trường hợp kết quả bầu cử không có số lượng thành viên HĐQT hoặc BKS đã công bố thông qua thì số lần hành bầu cử tiếp theo trong số ứng cử viên không trúng cử tiếp theo còn lại. Trường hợp vẫn không bầu được số lượng thành viên HĐQT hoặc BKS, thì việc bầu cử tiếp theo do Hội đồng quyết định.

Điều 9: Lập và công bố Biên bản Kiểm phiếu

- 9.1. Sau khi kiểm phiếu, Ban Kiểm phiếu phải lập Biên bản Kiểm phiếu. Nội dung Biên bản Kiểm phiếu bao gồm các nội dung chính như sau: Ban Kiểm phiếu; Danh sách cử; Tổng số phiếu phát ra, tổng số phiếu thu về, tổng số phiếu hợp lệ, tổng số phiếu không hợp lệ tổng số phần sở hữu và/hoặc ủy quyền; Kết quả kiểm phiếu và Danh sách trúng cử.
- 9.2. Biên bản kiểm phiếu phải công bố trực tiếp.

Điều 10: Quy định khác

Những khi cần thiết việc bầu cử và kiểm phiếu sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị và công bố vào biên bản cuộc họp Hội đồng.

Điều 11: Hiệu lực thi hành

Quy chế này gồm có 11 (mười một) điều, được công khai tại Hội đồng có hiệu lực thi hành ngay sau khi được Hội đồng thông qua năm 2014 biểu quyết thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỨC VỤ**